UBND QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
THOẠI NGỌC HẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 119/QĐ-TNH

Tân Phú, ngày 10 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quyết toán thu chi ngân sách
của Trường THCS Thoại Ngọc Hầu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS THOẠI NGỌC HẦU – QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 6814/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND Quận Tân Phú về giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách năm 2023;

Căn cứ vào các quyết định cấp bổ sung, điều chỉnh nguồn kinh phí NSNN trong năm 2023;

Căn cứ vào thông báo thẩm định số 1157/TB-TCKH ngày 30/5/2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Phú về việc xét duyệt quyết toán thu - chi ngân sách năm 2023;

Xét đề nghị của kế toán trường,

QUYẾT ĐỊNH:

ĐIỀU 1: Công bố công khai số liệu Quyết toán thu chi ngân sách năm 2023 của Trường THCS Thoại Ngọc Hầu (theo các biểu đính kèm).

ĐIỀU 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

ĐIỀU 3: Kế toán trường THCS Thoại Ngọc Hầu, các ban, ngành, đoàn thể có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Kho bạc Nhà nước TP;
- Lưu (VT).

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THOẠI NGỌC HẦU

Phạm Đình Anh

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **Trường THCS Thoại Ngọc Hầu**

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 119/QĐ-TNH ngày 10/6/2024 của Trường THCS Thoại Ngọc Hầu)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5=4-3	6
A	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**3.559,01**	**3.559,01**	-	**3.559,01**
I	**Số thu phí, lệ phí**	**3.559,01**	**3.559,01**	-	**3.559,01**
1	Lệ phí				
2	Phí	**3.559,01**	**3.559,01**	-	**3.559,01**
	- Học phí công lập	3.559,01	3.559,01	-	3.559,01
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**				
1	***Chi sự nghiệp học phó được khấu trừ, để lại.***	**3.559,01**	**3.559,01**	-	**3.559,01**
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.559,01	3.559,01	-	3.559,01
	- Chi học phí công lập	3.559,01	3.559,01	-	3.559,01
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	***Chi quản lý hành chính***				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**16.013,03**	**16.013,03**	-	**16.013,03**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**16.013,03**	**16.013,03**	-	**16.013,03**
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**8.224,53**	**8.224,53**	-	**8.224,53**
	Nội dung	**8.224,53**	**8.224,53**	-	**8.224,53**
6000	**Tiền lương**	**3.911,52**	**3.911,52**	-	**3.911,52**
6001	Lương theo ngạch, bậc	3.911,52	3.911,52	-	3.911,52
6100	**Phụ cấp lương**	**1.759,69**	**1.759,69**	-	**1.759,69**
6101	Phụ cấp chức vụ	70,92	70,92	-	70,92
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	7,15	7,15	-	7,15
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.163,98	1.163,98	-	1.163,98
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	14,77	14,77	-	14,77
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	455,34	455,34	-	455,34
6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	47,54	47,54	-	47,54
6300	**Các khoản đóng góp**	**1.041,77**	**1.041,77**	-	**1.041,77**
6301	Bảo hiểm xã hội	776,29	776,29	-	776,29
6302	Bảo hiểm y tế	133,08	133,08	-	133,08
6303	Kinh phí công đoàn	88,05	88,05	-	88,05
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	44,36	44,36	-	44,36
6400	**Các khoản thanh toán khác cho cá nhân**	**115,20**	**115,20**	-	**115,20**
6449	Chi khác	115,20	115,20	-	115,20
6500	**Thanh toán dịch vụ công cộng**	**110,43**	**110,43**	-	**110,43**
6501	Tiền điện	103,78	103,78	-	103,78
6502	Tiền nước	6,65	6,65	-	6,65
6550	**Vật tư văn phòng**	**52,14**	**52,14**	-	**52,14**
6551	Văn phòng phẩm	12,59	12,59	-	12,59
6599	Vật tư văn phòng khác	39,55	39,55	-	39,55
6600	**Thông tin, tuyên truyền, liên lạc**	**21,59**	**21,59**	-	**21,59**

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5=4-3	6
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	1,72	1,72	-	1,72
6605	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	6,36	6,36	-	6,36
6608	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	13,51	13,51	-	13,51
6700	**Công tác phí**	**3,00**	**3,00**	**-**	**3,00**
6704	Khoán công tác phí	3,00	3,00	-	3,00
6900	**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng**	**140,40**	**140,40**	**-**	**140,40**
6905	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	5,24	5,24	-	5,24
6907	Nhà cửa	21,79	21,79	-	21,79
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	9,27	9,27	-	9,27
6921	Đường điện. cấp thoát nước	8,86	8,86	-	8,86
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	95,24	95,24	-	95,24
7000	**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành**	**63,69**	**63,69**	**-**	**63,69**
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	48,73	48,73	-	48,73
7004	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	14,96	14,96	-	14,96
7750	**Chi khác**	**17,79**	**17,79**	**-**	**17,79**
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	8,00	8,00	-	8,00
7799	Chi các khoản khác	9,79	9,79	-	9,79
7950	**Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định**	**987,29**	**987,29**	**-**	**987,29**
7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	592,37	592,37	-	592,37
7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	270,00	270,00	-	270,00
7953	Chi lập Quỹ khen thưởng	26,19	26,19	-	26,19
7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	98,73	98,73	-	98,73
3.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**7.788,50**	**7.788,50**	**-**	**7.788,50**
	Nội dung	**7.788,50**	**7.788,50**	**-**	**7.788,50**
6100	**Phụ cấp lương**	**136,87**	**136,87**	**-**	**136,87**
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	136,87	136,87	-	136,87
6150	**Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học**	**134,19**	**134,19**	**-**	**134,19**
6156	Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	38,04	38,04	-	38,04
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	96,15	96,15	-	96,15
6400	**Các khoản thanh toán khác cho cá nhân**	**4.672,68**	**4.672,68**	**-**	**4.672,68**
6449	Chi khác	508,87	508,87	-	508,87
6449	Chi khác (TNTT theo NQ)	4.163,81	4.163,81	-	4.163,81
6750	**Chi phí thuê mướn**	**68,40**	**68,40**	**-**	**68,40**
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	68,40	68,40	-	68,40
7000	**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành**	**27,88**	**27,88**	**-**	**27,88**
7001	Chi mua hàng hóa. vật tư	27,88	27,88	-	27,88
7750	**Chi khác**	**2.748,48**	**2.748,48**	**-**	**2.748,48**
7766	Cấp bù học phí cho csgd đào tạo theo chế độ	2.748,48	2.748,48	-	2.748,48
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5=4-3	6
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THOẠI NGỌC HẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
V/v niêm yết công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Thời gian: 13 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 6 năm 2024

2. Địa điểm: Phòng giáo viên Trường THCS Thoại Ngọc Hầu

3. Thành phần tham dự:

a) Người thực hiện niêm yết

- Ông: Lê Duy Linh - Nhân viên văn thư.
- Bà: Vũ Ngọc Thanh Huyền - Nhân viên kế toán.

b) Người chứng kiến

- Ông: Nguyễn Văn Thiên – Trưởng ban Thanh tra nhân dân

4. Nội dung:

- Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc niêm yết công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Công khai quyết toán chi ngân sách năm 2023

- Hình thức công khai: niêm yết tại bảng tin của nhà trường.
- Mục đích của việc niêm yết công khai để cho công chức, viên chức Trường Trung học cơ sở Thoại Ngọc Hầu thuận tiện trong việc theo dõi và giám sát.
- Thời gian công khai: trong vòng 30 ngày liên tục, từ ngày 10 tháng 6 năm 2024 đến ngày 09 tháng 7 năm 2024.
- Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về nhân viên kế toán để được giải đáp. SĐT: 0901216053/ 028 22444 882.

Biên bản kết thúc lúc 8 giờ 15 phút, cùng ngày và được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và nhất trí tán thành./.

THƯ KÝ	HIỆU TRƯỞNG
Đặng Phước Hưởng	Phạm Đình Anh

Ban thanh tra nhân dân

Nguyễn Văn Thiên

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
THOẠI NGỌC HẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc kết thúc niêm yết công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Thời gian: 8 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 7 năm 2024

2. Địa điểm: Phòng giáo viên Trường THCS Thoại Ngọc Hầu

3. Thành phần tham dự:

- Ông: Lê Duy Linh - Nhân viên văn thư.
- Bà: Vũ Ngọc Thanh Huyền - Nhân viên kế toán
- Ông: Nguyễn Văn Thiên – Trưởng ban Thanh tra nhân dân.

4. Nội dung:

Thống nhất lập Biên bản kết thúc niêm yết công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được niêm yết công khai tại bảng thông báo của Trường Trung học cơ sở Thoại Ngọc Hầu, cụ thể như sau:

Công khai quyết toán chi ngân sách năm 2023

Thời gian niêm yết: đã đủ 30 ngày, từ ngày 10/6/2024 đến hết ngày 09/7/2024.

Biên bản kết thúc lúc 8 giờ 10 phút ngày 10 tháng 7 năm 2024 và được đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên./.

THƯ KÝ	**HIỆU TRƯỞNG**
Đặng Phước Hưởng	**Phạm Đình Anh**

Ban thanh tra nhân dân

Nguyễn Văn Thiên